TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14 /2019/HS-ST
Ngày 25-4-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Anh Luyện**.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Minh Biên**.
2. Bà **Lục Thị Nhung**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Nga** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Quốc Phú** – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở thôn G, xã T, huyện V, tỉnh H. Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2019/TLST - HS, ngày 28 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 276/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo: **BÀN VĂN L** (Tên gọi khác: **Bàn Văn L**) - Sinh ngày 19 tháng 11 năm 1997 tại huyện V, tỉnh H.

Nơi cư trú: Thôn N, xã P, huyện V, tỉnh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Bàn Văn D (G) – Sinh năm: 1975; Con bà: Tương Thị P – Sinh năm: 1969; Gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con thứ 02; Vợ là Bàn Thị L – Sinh năm 1999 (chung sống như vợ chồng, chưa có đăng ký kết hôn); Con: Bàn Thu Q, sinh năm 2018;

Tiền án, Tiền sự: Không;

Bị cáo L bị bắt ngày 02-01-2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H; Hôm nay có mặt.

2. Bị cáo: **TRIỆU ĐỨC V** (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 05 tháng 12 năm 1993, tại huyện V, tỉnh H.

Nơi cư trú: Thôn N, xã P, huyện V, tỉnh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 05/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Triệu Văn K – Sinh năm: 1973; Con bà: Triệu Thị C – Sinh năm: 1973; Gia đình bị cáo có 03 chị em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ là Lý Thị H – Sinh năm 1991 (chung sống như vợ chồng,

chưa có đăng ký kết hôn); Con: Triệu Hoàng Q, sinh năm 2011; Tiền sự: Không;

Tiền án: Bản án số: 09/2016 HSST ngày 22 tháng 04 năm 2016 của Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 08 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản". Bản án số: 09/2017 HSST ngày 23 tháng 05 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện V xử phạt 18 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản", đến ngày 07/08/2018, V chấp hành xong án phạt tù, chưa được xóa án tích.

Bị cáo V bị bắt ngày 02-01-2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H; Hôm nay có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo Bàn Văn L, Triệu Đức V: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1978; Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H. Hôm nay có mặt.

Người bị hại*:* Anh Lù Sào N, sinh năm 1996; Trú tại thôn C, xã Nàng Đ, huyện Hoàng S, tỉnh H. Hôm nay có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Bàn Thị L, sinh năm 1999; Trú tại: Thôn T, xã Yên C, huyện B, tỉnh H. Hôm nay vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 00 phút, ngày 31-12-2018. Bàn Văn L *(tên gọi khác Bàn Văn L, sinh năm 1997,* đang ở nhà thì nhận được điện thoại của Triệu Đức V rủ L:*"tối nay có lên cửa khẩu T xem bắn pháo hoa"*. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày L đến chỗ V cả hai cùng đi ăn tối, đến khoảng hơn 21 giờ cùng thuê xe taxi đi lên cửa khẩu Quốc tế T, huyện V. Đến khoảng hơn 22 giờ cùng ngày thì lên đến nơi. Xem pháo hoa được một lúc, L mở điện thoại di động vào mạng xem, thì V bảo L xem cách mở khóa điện xe EXCITTER, L mở điện thoại xem và học được cách mở dắc điện xe EXCITTER trên mạng. Sau khi xem và học được cách mở xe trên mạng xong, L và V đi bộ ra ngoài, khi L và V đi đến khu vực quán bán hàng gần trung tâm thương mại rồi nhìn về phía bờ sông Lô thấy có một chiếc xe môtô nhãn hiệu YAMAHA loại xe EXCITTER, L nảy sinh ý định trộm cắp rủ V cùng tham gia, L một mình đi đến chỗ chiếc xe môtô nhưng thấy xe khóa cổ, nên L không lấy được. Sau đó L và V tiếp tục đi bộ ra phía ngoài, trên đường đi. L đi sang phía đường hành lang sát bờ sông Lô còn V đi bộ phía đường gần dãy nhà bán hàng tạp hóa, L vừa đi vừa dùng chân phải đá vào bánh trước của những xe môtô dựng ở đó để kiểm tra xem có xe môtô nào không khóa cổ thì lấy trộm, thì phát hiện có một xe môtô, BKS 22B1-932.75 của Lù Sào N dựng ở đó, đầu xe quay ra phía bờ sông, xe không khóa cổ và cũng không có người trông coi. L ngồi xuống dùng hai tay luồn vào bên trong ốp nhựa mặt trước của xe và rút dắc ổ điện ra rồi dùng đoạn dây điện mang theo sẵn đấu vào dắc điện vừa rút và đề nổ được xe môtô. Trong khi L thực hiện hành vi lấy trộm xe môtô, thì V đứng cách đó khoảng 10m về phía bên phải đường Quốc lộ theo hướng đi về trụ sở xã T để cảnh giới khi có người thì V sẽ thông báo cho L biết để bỏ chạy. L

lấy được xe mô tô điều khiển xe môtô vừa lấy trộm được đi ra chở V ngồi phía sau đi về thành phố H.

Khi đi đến khu vực xã P, huyện V, L hỏi V bán thế nào, V bảo L đăng lên mạng xem ai mua thì bán, L bảo để lại xe máy đi tết, V bảo thay hình đổi dạng hãy sử dụng, khi nào có tiền thì cho V một ít, V về còn L một mình tiếp tục điều khiển xe môtô vừa lấy trộm được đi về hướng cầu Y Biên 2, thành phố H. Khi đến khu vực Bệnh viện đa khoa tỉnh H, L dừng lại bẻ gẫy biển kiểm soát của xe, rồi đi ra đến giữa cầu Yên Biên 2 vứt biển kiểm soát xuống sông Lô, khi vào quán L hỏi mượn đồ sửa xe được đồng ý cho mượn, L tự lấy đồ rồi xóa số khung, số máy, sau đó nhờ chủ quán đi đánh hộ chìa khóa và thay má phanh của xe, hết 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng)*, trong khi V thay má phanh thì L nhìn thấy có mấy chiếc Biển kiểm soát 23H1-035.28 của xe môtô để ở góc cửa ra vào của quán, thấy vậy L xin V chiếc Biển kiểm soát rồi tự lắp vào xe môtô. Đến khoảng 17 giờ, ngày 01/01/2019, L điều khiển xe môtô lấy trộm được đi về nhà tại thôn N, xã P, huyện V, thì bị cơ quan chức năng phát hiện bắt giữ người và vật chứng xử lý theo quy định.

Tại bản kết luận giám định số: 78/KL-PC09, ngày 10-01-2019 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh H: Kết luận: Chiếc xe môtô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe EXCITTER, màu sơn Đen-đỏ, biển kiểm soát 22B1-932.75 mà Bàn Văn L cùng với Triệu Đức V lấy trộm có số khung nguyên thủy là R…Y165813 và số máy nguyên thủy là G3D4E-178714, trùng với số khung, số máy trên giấy đăng ký số: 030703 do Công an tỉnh T cấp ngày 21-04-2016, cho xe môtô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe EXCITTER, màu sơn Đen - đỏ, BKS 22B1-932.75, do anh Lù Sào N cung cấp giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Tại kết luận định giá tài sản ngày: 10-01-2019, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V, tỉnh H. Kết luận: Chiếc xe môtô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe EXCITTER, màu sơn Đen-đỏ, BKS 22B1-932.75 mà Bàn Văn L cùng Triệu Đức V lấy trộm của anh Lù Sào N vào ngày 31-12-2018 tại thôn G, xã T, huyện V có tổng trị giá là 30.000.000đ *(ba mươi triệu đồng VNĐ).*

Về vật chứng vụ án:

- 01*(một)* điện thoại di động bàn phím màu đen có chữ itel, điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong của điện thoại.

- 01*(một)* điện thoại di động bàn phím FPT, màu đỏ - đen, loại điện thoại bàn phím, máy cũ đã qua sử dụng, trên máy có nhiều vết trầy xước (không kiểm tra tình trạng hoạt động của máy).

- 01 (một) biển kiểm soát 23H1 – 035.28.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản bàn giao ngày 28-3-2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện V)

- 01(*một*) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe EXCITTER, màu sơn Đen-đỏ, biển kiểm soát 22B1-932.75, cùng giấy đăng ký xe.

- 01*(một)* điện thoại di động IPHONE 5, màu vàng, điện thoại cũ đã qua dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong của điện thoại.

Căn cứ vào đơn xin lại tài sản, xét thấy không cần thiết phải tạm giữ thêm, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Lù Sào N và chị Bàn Thị L, chủ tài sản không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại cáo trạng số: 19/CT-VKS ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh H. Quyết định truy tố đối với: Bị cáo Bàn Văn L về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo Triệu Đức V về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Bàn Văn L và Triệu Đức V đều khai nhận vào khoảng 22 giờ 0 phút ngày 31-12-2018, Bàn Văn L đã rủ Triệu Đức V đi trộm cắp tài sản, V đồng ý. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày L V đã cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô Yamaha, màu đen – đỏ, BKS 22B1-932.75 của Lù Sào N, để tại địa điểm thôn G, xã T, huyện V, tỉnh H. Giá trị tài sản là 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*). Các bị cáo L, V nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị với HĐXX giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo để bị cáo sớm về hòa nhập với gia đình và cộng đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, người bị hại Lù Sào N trình bày anh N ngày 31-12-2018 đã bị mất xe mô tô BKS 22B1-932.75 để tại địa điểm thôn G, xã T, huyện V, tỉnh H. Anh N đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm về phần trách nhiệm dân sự. Ngoài ra, không có ý kiến gì bổ sung.

Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Chủ tọa phiên tòa công bố lời khai của chị Bàn Thị L.

Người làm chứng đã khai tại hồ sơ hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo khai nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V thực hành quyền công tố tại phiên tòa ngày hôm nay, có quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Đưa ra chứng cứ đánh giá mức độ hành vi phạm tội và thái độ thành khẩn khai báo của các bị cáo; lời khai của người bị hại; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; lời khai của người làm chứng. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V đề nghị với HĐXX tuyên bố:

Về tội danh: Tuyên các bị cáo Bàn Văn L và Triệu Đức V phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đề nghị xử phạt bị cáo Bàn Văn L từ 24 tháng đến 28 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo L bị bắt, ngày 02-01-2019.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Bộ luật hình sự năm 2015.

Đề nghị xử phạt bị cáo Triệu Đức V từ 26 tháng đến 30 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, ngày 02-01-2019.

Về phần dân sự: Sau khi nhận lại tài sản, người bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm về phần trách nhiệm dân sự. Do vậy không xem xét.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu sung quỹ nhà nước:

Công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội gồm:

- 01*(một)* điện thoại di động bàn phím màu đen có chữ itel, điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong của điện thoại.

- 01*(một)* điện thoại di động bàn phím FPT, màu đỏ - đen, loại điện thoại bàn phím, máy cũ đã qua sử dụng, trên máy có nhiều vết trầy xước (không kiểm tra tình trạng hoạt động của máy).

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) biển kiểm soát 23H1 – 035.28. *(biển số xe máy cũ không còn giá trị sử dụng)*

(Tình trạng vật chứng theo biên bản bàn giao ngày 28-3-2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện V)

- 01(*một*) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe EXCITTER, màu sơn Đen-đỏ, biển kiểm soát 22B1-932.75, cùng giấy đăng ký xe.

- 01*(một)* điện thoại di động IPHONE 5, màu vàng, điện thoại cũ đã qua dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong của điện thoại.

Căn cứ vào đơn xin lại tài sản, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Lù Sào N và chị Bàn Thị L, chủ tài sản không yêu cầu bồi thường gì thêm..

Về án phí, quyền kháng cáo của các bị cáo theo quy định pháp luật.

Phần tranh luận tại phiên tòa:

Người bào chữa bà Nguyễn Thị Thu T - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H, có quan điểm bào chữa cho các bị cáo Bàn Văn L và Triệu Đức V phạm tội "Trộm cắp tài sản". Như VKS truy tố là đúng, các bị cáo L, V có thái độ ăn năn hối cải, thật thà khai báo, gia đình thuộc hộ nghèo; các bị cáo thuộc dân tộc ít người, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, gia đình làm nông nghiệp thu nhập không ổn định đề nghị HĐXX. Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 58; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Đề nghị xử phạt bị cáo Bàn Văn L 24 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo L bị bắt, ngày 02-01-2019. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 58; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Bộ luật hình sự năm 2015. Đề nghị xử phạt bị cáo Triệu Đức V 26 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, ngày 02-01-2019. Các bị cáo không có thu nhập ổn định không áp dụng hình phạt tiền bổ sung. Đề nghị miễn giảm toàn bộ án phí cho bị cáo Lý, Việt theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326-2016-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH "quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Các bị cáo L, V có ý kiến nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa phát biểu tại phiên tòa.

Quyền của các bị cáo nói lời sau cùng:

Các bị cáo L, V nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật. Bị cáo L, V xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án HĐXX nhận thấy Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên đã thực hiện hành vi, quyết định tố tụng về khởi tố vụ án, khởi tố bị can, ra biện pháp tạm giam, ra quyết định truy tố; thu thập chứng cứ tài liệu, vật chứng đã khách quan, phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội như sau: Các bị cáo Bàn Văn L và Triệu Đức V đều khai nhận, Bàn Văn L đã rủ Triệu Đức V trộm cắp tài sản V đồng ý. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày L, V đã cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô Yamaha, màu đen – đỏ, BKS 22B1-932.75 của Lù Sào N, để tại địa điểm thôn G, xã T, huyện V, tỉnh H. Giá trị tài sản là 30.000.000đ, mục đích bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Các bị cáo Bàn Văn L và Triệu Đức V là người có đủ năng lực hành vi chịu trách nhiệm hình sự. Lời nhận tội của các bị cáo trước phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, phù hợp biên bản định giá tài sản, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Các bị cáo L, V thực hiện hành vi trộm cắp tài sản có giá trị tài sản là 30.000.000đ với lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Do vậy HĐXX đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Bàn Văn L phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo Triệu Đức V đã tái phạm tại bản án số: 09/2017 HSST ngày 23 tháng 05 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện V nhưng chưa được xóa án tích, lại phạm tội mới thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm là tình tiết định khung hình phạt. Bị cáo Triệu Đức V phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Như đại điện Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

1. *Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*".

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 2 năm đến 7 năm:

a) ...

g) Tái phạm nguy hiểm"

Xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo L, V đã xâm hại đến tài sản của người khác, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế hộ gia đình, làm mất trật tự an ninh xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân tại địa phương, là nguy hiểm cho xã hội. Trong vụ án có đồng phạm giản đơn bị cáo L là người khởi xướng đi trộm cắp tài sản, V đồng ý cùng thực hiện, bị cáo L là người đứng đầu vụ án, có mức hình phạt cao hơn bị cáo V, còn bị cáo V với vai trò giúp sức tích cực trong vụ án có mức án thấp hơn, nhưng bị cáo Triệu Đức V đã tái phạm tại bản án trước chưa được xóa án tích, lại phạm tội mới thuộc trường hợp tái phạm

nguy hiểm là tình tiết định khung hình phạt. Hội đồng xét xử thấy rằng cần lên một mức án phù hợp trong khung hình phạt quy định đối với từng hành vi mà các bị cáo tham gia, để cho các bị cáo L, V có thời gian cách ly trong trại cải tạo, rèn luyện tu dưỡng bản thân trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng giáo dục, phòng ngừa chung loại tội phạm này theo quy định tại khoản 1, điểm g khoản 2 Điều 173 và điều 58 BLHS.

[3] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét thấy bị nhân thân cáo Bàn Văn L (L) tại bản án số: 09/2016 HSST ngày 22 tháng 04 năm 2016 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang xử phạt 10 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản" ngày 4-11-2016 đã chấp hành xong hình phạt và được xóa án tích.

Bị cáo V: Không có tình tiết tăng nặng, vì đã áp dụng tình tiết định khung hình phạt tái phạm nguy hiểm đối với bị cáo V.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo L, V thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, gia đình thuộc hộ nghèo có hoàn cảnh khó khăm do vậy các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt khi lượng hình theo điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Các bị cáo L, V không có thu nhập ổn định nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung, hình phạt tiền đối với các bị cáo.

HĐXX chấp nhận một phần ý kiến của người bào chữa tại phiên tòa, còn hình phạt đưa ra đề nghị xử phạt bị cáo V 26 tháng là chưa phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Sau khi nhận lại tài sản, người bị hại Lù Sào N không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường về phần trách nhiệm dân sự. Do vậy HĐXX không đề cập xem xét giải quyết.

[6] Về vật chứng:

Tịch thu sung quỹ vật chứng:

Công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội gồm:

- 01*(một)* điện thoại di động bàn phím màu đen có chữ itel, điện thoại cũ đã qua sử dụng (không kiểm tra tình trạng bên trong của điện thoại).

- 01*(một)* điện thoại di động bàn phím FPT, màu đỏ - đen, loại điện thoại bàn phím, máy cũ đã qua sử dụng, trên máy có nhiều vết trầy xước (không kiểm tra tình trạng hoạt động của máy).

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) biển kiểm soát 23H1 – 035.28. *(biển số xe máy cũ không còn giá trị sử dụng)*

(Tình trạng vật chứng theo biên bản bàn giao ngày 28-3-2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện V)

- 01(*một*) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe EXCITTER, màu sơn Đen-đỏ, biển kiểm soát 22B1-932.75, cùng giấy đăng ký xe.

- 01*(một)* điện thoại di động IPHONE 5, màu vàng, điện thoại cũ đã qua dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong của điện thoại.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Lù Sào N và chị Bàn Thị L, chủ tài sản không yêu cầu bồi thường gì thêm..

Theo điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[7] Về án phí: Các bị cáo L, V có đơn xin miễn giảm án phí và thuộc diện hộ nghèo. Nên được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 14 theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH "Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án".

[8] Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Bàn Văn L và Triệu Đức V phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Bàn Văn L (tức Bàn Văn L) 24 (hai bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo L bị bắt, ngày 02-01-2019.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51; Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Triệu Đức V 27 (hai bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo V bị bắt, ngày 02-01-2019.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu sung quỹ vật chứng:

- 01*(một)* điện thoại di động bàn phím màu đen có chữ itel, điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong của điện thoại.

- 01*(một)* điện thoại di động bàn phím FPT, màu đỏ - đen, loại điện thoại bàn phím, máy cũ đã qua sử dụng, trên máy có nhiều vết trầy xước (không kiểm tra tình trạng hoạt động của máy).

Tịch thu tiêu hủy:

01 (một) biển kiểm soát 23H1 – 035.28. *(biển số xe máy cũ không còn giá trị sử dụng)*

(Tình trạng vật chứng theo biên bản bàn giao ngày 28-3-2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện V)

Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 14 theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 "Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án" .

Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Bàn Văn L, Triệu Đức V.

Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Báo cho các bị cáo, người bị hại có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25-4-2019).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T-M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lâm Anh Luyện

Nơi nhận:
- *Các bị cáo;*
- *Người bị hại;*
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;*
- *VKSND huyện V;*
- *VKSND tỉnh H;*
- *Công an huyện V;*
- *Tòa án nhân dân tỉnh;*
- *Sở tư pháp;*
- *Chi cụcThi hành án dân sự huyện V;*
- *Lưu hs, hstha, vp.*